

Ngày 31/03/2024	30,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.4%	9.5%	10.7%

2023	
ROE	24.9%
	+/- YoY ▲ 1.4%

Q1/24	
DT thuần	251
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 5.00 ▲ 2.0%
	YoY ▲ 30.0 ▲ 13.6%

2023	
DT thuần	929
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 1.00 ▼ 0.1%

Q1/24	
LN gộp	59.3
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 4.60 ▼ 7.2%
	YoY ▲ 5.40 ▲ 10.0%

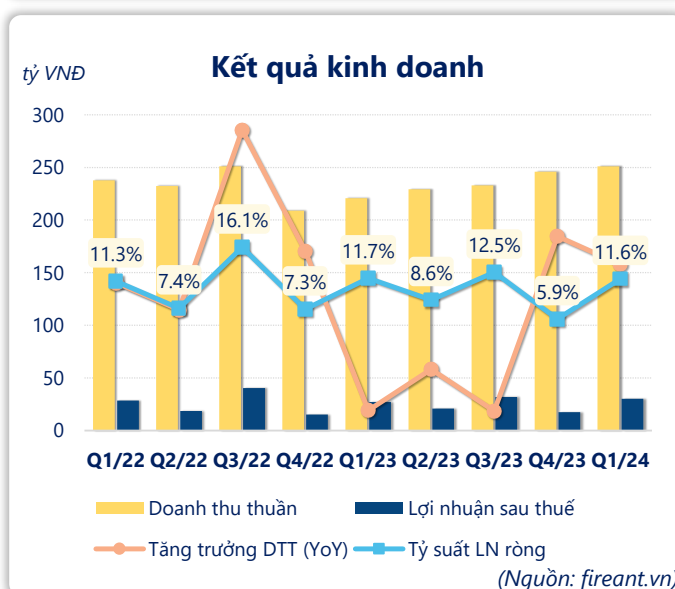
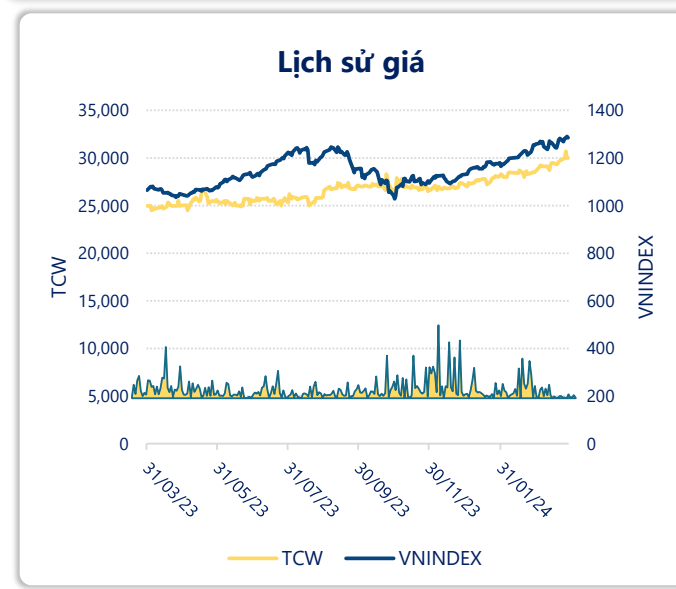
2023	
LN gộp	222
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 11.0 ▲ 5.1%

Q1/24	
LN thuần	38.0
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 12.6 ▲ 49.6%
	YoY ▲ 3.70 ▲ 10.8%

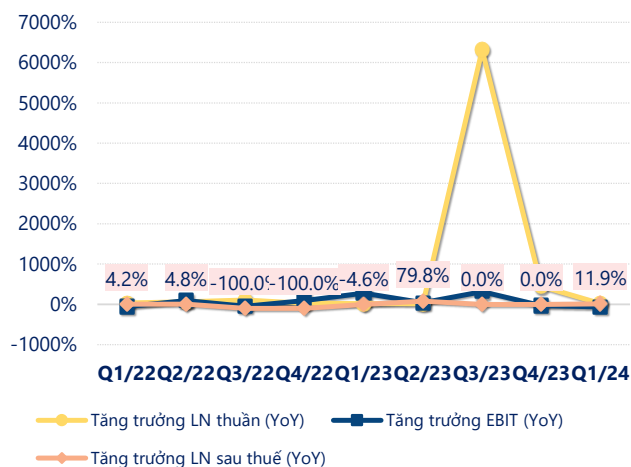
2023	
LN thuần	122
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 6.00 ▲ 5.3%

Q1/24	
LN sau thuế	30.3
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 12.9 ▲ 74.4%
	YoY ▲ 3.20 ▲ 12.0%

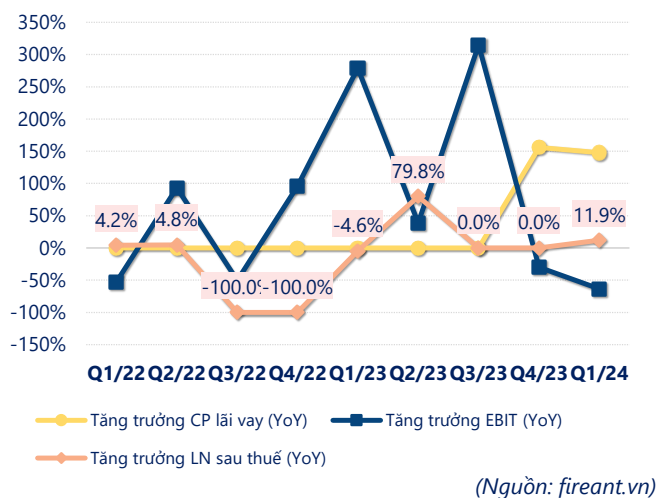
2023	
LN sau thuế	97.4
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 9.70 ▲ 11.1%



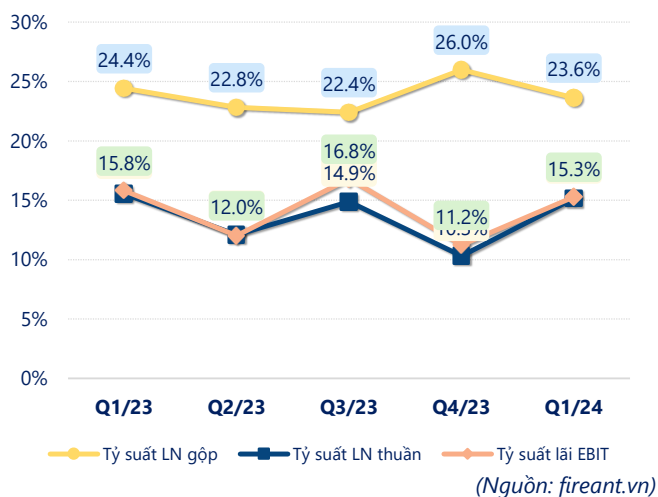
Tăng trưởng lợi nhuận



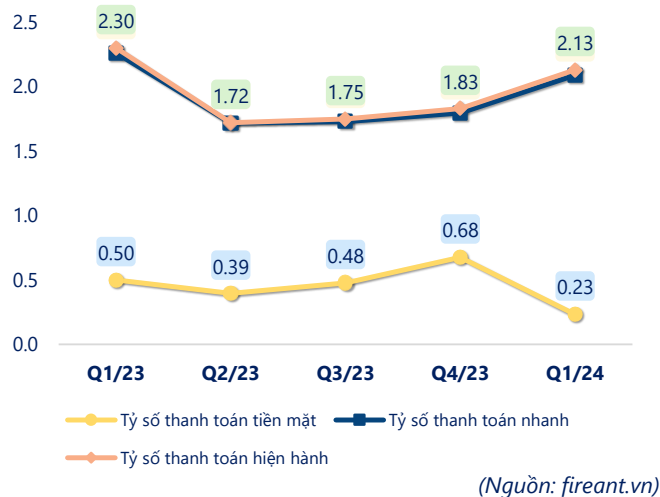
Tăng trưởng chi phí



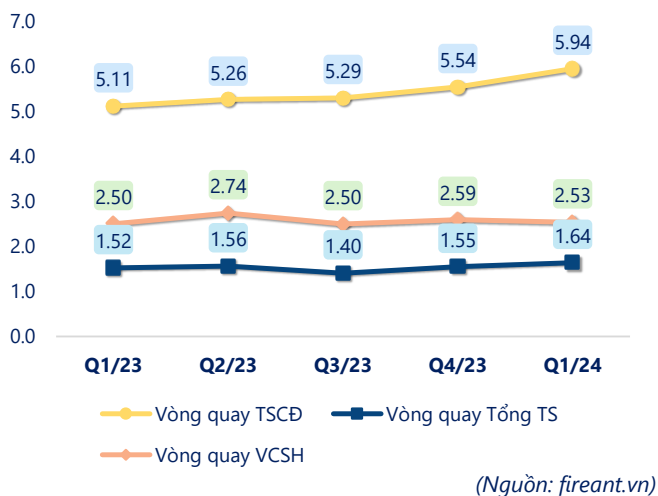
Tỷ suất lợi nhuận



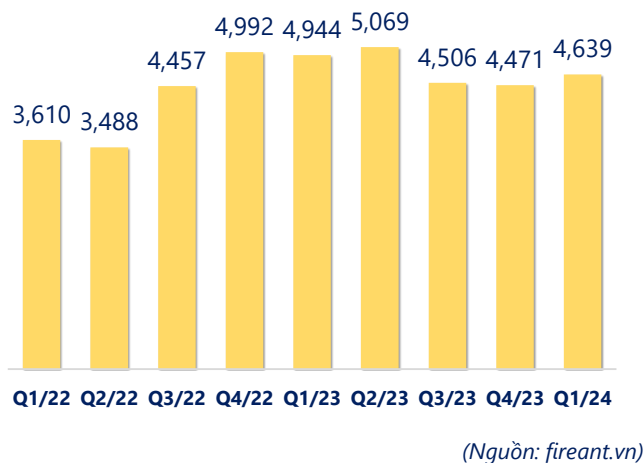
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	251	221	13.6%	929	930	-0.1%
Giá vốn hàng bán	192	167	14.8%	707	719	-1.7%
Lợi nhuận gộp	59.3	53.9	10.0%	222	211	5.1%
Doanh thu HĐTC	1.56	1.08	44.8%	12.3	8.52	44.4%
Chi phí TC	0.45	1.03	-56.8%	2.78	5.15	-46.0%
Chi phí lãi vay	0.43	0.98	-56.5%	2.68	4.74	-43.4%
LN trong công ty LKLD	0.08	-0.16	149%	-0.29	-0.72	59.6%
Chi phí bán hàng	8.37	7.38	13.4%	33.3	28.1	18.3%
Chi phí QLDN	14.1	12.1	16.8%	75.8	69.7	8.8%
LN thuần từ HĐKD	38.0	34.3	10.8%	122	116	5.3%
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.40	82.6%	4.50	-0.87	620%
LN trước thuế	37.9	33.9	11.9%	127	115	10.0%
Lợi nhuận sau thuế	30.3	27.1	12.0%	97.4	87.7	11.1%
LNST của CĐ cty mẹ	29.2	25.9	12.8%	89.5	81.5	9.8%

(Nguồn: fireant.vn)

